**Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Rèn kĩ năng thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10,100, 1000,…; vận dụng để tính nhanh tính nhẩm.

- Biết cách và có kĩ năng nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, nắm vững cách thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10,100, 1000,…

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, chia sẻ nhóm về cách nhân nhẩm với 10, 100, 1000,…và nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được các tình huống sử dụng nhân nhẩm với 10, 100, 1000, …và nhân nhẩm với 11 trong thực tế cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép nhân với 10, 100, 1000,... và việc nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. Hoạt động khởi động**  \* Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với bài học.  \* Cách thực hiện: | |
| - Cho HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách”.  - Cách chơi: GV nêu mỗi tình huống thực tế (đã chuẩn bị trước) liên quan đến phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,…(VD: Một chuồng có 112 con gà. Vậy 10 chuồng có….con gà.)  - Mời 1HS lên điều khiển chơi, dưới lớp tham gia chơi theo nhóm. Đại diện học sinh trong nhóm trả lời.  - GV nhận xét trò chơi.  \* Giới thiệu bài : Các em đã học nhân nhẩm với 10, 100, 1000,…. Để các con nắm vững cách nhân nhẩm đã học và tìm hiểu cách nhân nhẩm với 11 như thế nào, chúng ta cùng vào tiết học Luyện tập chung  - GV ghi bảng | - HS nêu luật chơi.  - Học sinh tham chơi.  - Nhóm nào trả lời đúng nhiều hơn là nhóm thắng cuộc  - HS lắng nghe.  - HS ghi tên bài vào vở. |
| **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**  \* Mục tiêu:  - Rèn kĩ năng thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,…vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm.  - Rèn kĩ năng nhân với số có hai chữ số.  - Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.  \* Cách thực hiện: | |
| **Bài 1.**  - Gọi HS đọc đề bài 1.  + Bài 1 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm cá nhân  - Học sinh chia sẻ trước lớp (chia sẻ cặp đôi).  - Giáo viên gọi đại diện các cặp đôi báo cáo kết quả. GV chốt kết quả đúng.  - GV nhận xét kết quả, tuyên dương.  - Yêu cầu đổi chéo vở kiểm tra.  - GV chốt: Bài tập 1 nhắc lại cho con kiến thức gì?  - Em hãy nêu lại cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 10, 100, 1000,…  *- GVKL: Các em vừa ôn lại cách nhân nhẩm một số tự nhiên với 10,100, 1000,…Để rèn kĩ năng nhân với số có hai chữ số, chúng ta cùng sang bài tập số 2.* | - HS đọc đề.  - HS trả lời.  - HS suy nghĩ làm cá nhân.  - HS hoạt động cặp đôi nói cho nhau nghe, sửa sai cho nhau, báo cáo giáo viên nếu không thống nhất được đáp án.  - Đại diện các cặp báo cáo kết quả.  52 x 10 =520 108 x 10=1080  52 x 100 = 5200 108 x 100=10800  52 x 100 = 52000 108 x 1000=108000  690 x 10 = 6900  690 x 100 = 69000  690 x 1000 = 690000  - HS đổi chéo vở kiểm tra.  - Nhân nhẩm một số tự nhiên với 10,100,1000,..  - HS nêu |
| **Bài 2:**  - Bài 2 yêu cầu em làm gì ?  - Yêu cầu hs làm bài cá nhân  - Chia sẻ trước lớp: GV gọi HS lên bảng trình bày trên bảng lớp.  - GV yêu cầu 1HS nêu các bước tính của phép tính vừa làm.  + Yêu cầu học sinh nêu cách tính  - Mời 1HS nêu các bước tính  + Ta cần lưu ý gì khi đặt tích riêng thứ hai? - GV nhận xét, tuyên dương  - GV yêu cầu HS nhận xét tích riêng ở phép tính 83 x 11  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu: Đặt tính rồi tính  - HS làm bài vào vở BTT  - HS lên bảng làm bài, mỗi học sinh làm một phép tính.  - HS nêu: Thực hiện tính từ phải sang trái  - HS trả lời  - HS nêu: Hai tích riêng có các chữ số giống nhau chỉ khác về giá trị: Tích riêng thứ nhất là 83, tích riêng thứ hai là 83 chục, nếu viết đầy đủ là 830. |
| **Bài 3: Tính nhẩm**  - Gọi HS đọc bài 3.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát cách làm của mẫu 27 x 11 và 48 x 11  - GV gọi đại diện các nhóm nêu cách nhẩm  - Cách nhân nhẩm 27 với 11:  + Bước 1:2 + 7 = 9  + Viết 9 giữa 2 chữ số của số 27 được 297.  - Vậy 27 x 11 = ?  - Yêu cầu HS nhân nhẩm 48 với 11.  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - Yêu cầu HS phát hiện tổng hai chữ số ở số 27 và tổng hai chữ số của số 48 có gì khác nhau?  - Yêu cầu HS nêu cách nhẩm của từng trường hợp.  - GV yêu cầu HS làm bài  - GV yêu cầu HS nhẩm  - GV đưa kết quả đúng, yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra.  - GVKL: Bài tập 3 giúp em biết thêm điều gì?  - GV nhận xét tuyên dương. | - HS đọc  - Học sinh thảo luận nhóm đôi, chia sẻ cách làm  - 1HS chia sẻ mẫu 1  - 1HS chia sẻ mẫu 2  - HS nêu  - HS nêu: Tổng hai chữ số của số 27 bằng 9. Tổng hai chữ số của 48 bằng 12, lớn hơn 9.  - HS nêu  - HS làm bài  - HS lần lượt nhẩm  - HSTL: Cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11. |
| **C. Hoạt động vận dụng**  \* Mục tiêu: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến số đo dung tích  \* Cách thực hiện: | |
| **Bài 4**  -Yêu cầu HS đọc Bài 4.  + Trước đây bạn Nguyên mở vòi nước bao lâu?  + Hiện nay bạn mở vòi trong bao lâu?  - Yêu cầu hs làm bài Cá nhân-N4- 1hs làm bảng phụ chia sẻ trước lớp  Bài tập 5 giúp em biết thêm điều gì?  + Chúng ta cần phải làm gì để tiết kiệm nước?  - Nhận xét tiết học  **\* Củng cố, dặn dò**  - Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho các em trong cuộc sống hằng ngày?  - Chuẩn bị bài tiếp theo | - HS đọc bài  - 20 giây  - 13 giây  - N4 trao đổi cách làm, giải thích vì sao.  - 1Hs chia sẻ trước lớp:   |  | | --- | | Trước đây số nước cần rửa ta là:  120 x 20 = 2400 (ml)  Hiện nay, số nước để Nguyên rửa tay là: 120 x 13 = 1560 (ml)  Số nước Nguyên tiết kiệm sau mỗi lần rửa tay là:  2400 – 1560 = 840 (ml)  Đáp số: 840l |   - Tắt vòi nước khi không sử dụng  - Phải chấp hành đúng nội dung các biển báo.  - HS nêu |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Cho HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách”.  - Cách chơi: GV nêu mỗi tình huống thực tế (đã chuẩn bị trước) liên quan đến phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,…(VD: Một chuồng có 112 con gà. Vậy 10 chuồng có….con gà.)  - Mời 1 HS lên điều khiển chơi, dưới lớp tham gia chơi theo nhóm. Đại diện học sinh trong nhóm trả lời.  - GV nhận xét trò chơi.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Luyện tập chung (T2)* | - HS nêu luật chơi.  - Học sinh tham chơi.  - Nhóm nào trả lời đúng nhiều hơn là nhóm thắng cuộc  - HS lắng nghe.  - HS ghi tên bài vào vở. |
| **2. Thực hành, luyện tập**  **Bài 3/86: Tính nhẩm**  - Gọi HS đọc bài 3.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát cách làm của bài mẫu 27 x 11 và 48 x 11  - GV gọi đại diện các nhóm nêu cách nhẩm  - Cách nhân nhẩm 27 với 11:  + Bước 1:2 + 7 = 9  + Viết 9 giữa 2 chữ số của số 27 được 297.  - Vậy 27 x 11 = ?  - Yêu cầu HS nhân nhẩm 48 với 11.  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - Yêu cầu HS phát hiện tổng hai chữ số ở số 27 và tổng hai chữ số của số 48 có gì khác nhau?  - Yêu cầu HS nêu cách nhẩm của từng trường hợp.  - GV yêu cầu HS làm bài  - GV đưa kết quả đúng, yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra.  - GVKL: Bài tập 3 giúp em biết thêm điều gì?  - GV nhận xét tuyên dương. | - HS đọc  - Học sinh thảo luận nhóm đôi, chia sẻ cách làm  - 1HS chia sẻ mẫu 1  - 1HS chia sẻ mẫu 2  - HS nêu  - HS nêu: Tổng hai chữ số của số 27 bằng 9. Tổng hai chữ số của 48 bằng 12, lớn hơn 9.  - HS nêu  - HS làm bài  42 11 = 462; 53 11 = 583  72 11 = 792; 85 11 = 935  94 11 = 1 034; 67 11 = 737  - Cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:**  **Bài 4/86**  - Yêu cầu HS đọc Bài 4.  + Trước đây bạn Nguyên mở vòi nước bao lâu?  + Hiện nay bạn mở vòi trong bao lâu?  - Yêu cầu hs làm bài Cá nhân -N4- 1HS làm bảng phụ chia sẻ trước lớp  \* Chốt: Bài tập 5 giúp em biết thêm điều gì?  + Chúng ta cần phải làm gì để tiết kiệm nước?  - Nhận xét tiết học  **\* Củng cố, dặn dò**  - Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho các em trong cuộc sống hằng ngày?  - Nhận xét tiết học và chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS đọc bài  - 20 giây  - 13 giây  - N4 trao đổi cách làm, giải thích vì sao.  - 1Hs chia sẻ trước lớp:   |  | | --- | | Trước đây số nước cần rửa ta là:  120 x 20 = 2400 (ml)  Hiện nay, số nước để Nguyên rửa tay là: 120 x 13 = 1560 (ml)  Số nước Nguyên tiết kiệm sau mỗi lần rửa tay là:  2400 – 1560 = 840 (ml)  Đáp số: 840l |   - Tắt vòi nước khi không sử dụng  - Phải chấp hành đúng nội dung các biển báo.  - HS nêu |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy:***

..........................................................................................................................................................................................................................................................................